

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-11-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh;

2. Ông Lê Văn Búp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76 /2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/ QĐST- HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thanh T, sinh năm: 1983; có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã U, huyện O, Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Trần C, sinh năm: 1977; vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh T, trình bày:**

Về hôn nhân: Chị T và anh Trần C tìm hiểu yêu thương nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện O, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 25/02/2009. Trong thời gian chung sống, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, anh C nhiều lần đánh chị T. Anh, chị

đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, phần ai nấy sống. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị T và anh C có với nhau 02 con chung tên: Trần Văn T1, sinh ngày 17/01/2010 và Trần Minh N, sinh ngày 24/10/2012, hiện nay hai con đang ở với chị T tại thôn Y, xã U, O, Quảng Ngãi. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con Trần Minh N, sinh ngày 24/10/2012 hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thờ điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12/2019.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Trần C:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện R đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Trần C, nhưng anh Trần C vắng mặt không có lý do, nên không có lời khai và không hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Giải quyết cho chị Hồ Thị Thanh T ly hôn anh Trần C; Giao hai cháu Trần Văn T1, sinh ngày 17/01/2010 và cháu Trần Minh N, sinh ngày 24/10/2012 cho chị Hồ Thị Thanh T chăm sóc, nuôi dưỡng; Buộc anh Trần phải cấp dưỡng nuôi con Trần Minh N hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị Thanh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị Hồ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Hồ Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Trần C, anh C có nơi cư trú ở xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ngày 02/7/2019 Tòa án nhân dân huyện R thụ lý vụ án, ngày 05/7/2019 Tòa án nhân dân huyện R tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Trần C, anh Trần C đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập và thông báo cho anh Trần C đến Tòa án để trình bày ý kiến

của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh C đã nhận thông báo thụ lý, ông Trần K là cha ruột và cùng cư trú với anh C - đã nhận thay các giấy triệu tập và cam kết giao hoặc thông báo ngay cho anh C nhưng anh C không đến Tòa án đồng thời cũng không gợi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án. Qua xác minh, theo Biên bản xác minh ngày 22/8/2019 có sự tham gia của ông Trần K – cha đẻ anh C, kết quả anh Trần C đăng ký hộ khẩu tại xã E, thời điểm gần nhất anh C có mặt tại địa phương là vào thời điểm anh C biết chị T có đơn yêu Tòa án giải quyết ly hôn, cụ thể là sau khi anh C nhận được Thông báo thụ lý vụ án, hiện nay anh Trần C không có mặt tại địa phương, không xác định được anh C đang ở đâu và làm công việc gì. Hiện anh C không có mặt tại xã E vì anh C đang làm ăn, sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không biết địa chỉ cụ thể nơi cư trú hiện nay của anh Trần C.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đương sự có nghĩa vụ “Cung cấp đầy đủ, chính xác địa chỉ nơi cư trú, trụ sở của mình; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nếu có thay đổi địa chỉ nơi cư trú, trụ sở thì phải thông báo kịp thời cho đương sự khác và Tòa án”. Nhưng sau khi biết có Thông báo về việc thụ lý vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần C thì anh Trần C đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Tòa án và cho chị Hồ Thị Thanh T biết về nơi cư trú mới là vi phạm nghĩa vụ của đương sự tại Khoản 3 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày 24/10/2019, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn là anh Trần C vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 12/11/2019, bị đơn anh Trần C vắng mặt, căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần C.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện O, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 25/02/2009, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị Hồ Thị Thanh T có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị Hồ Thị Thanh T trình bày là giữa chị và anh Trần C đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, anh C thường xuyên dùng bạo lực đối với chị T. Qua xác minh, Hội liên hiệp phụ nữ xã E cung cấp thông tin anh C thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Hồ Thị Thanh T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Hồ Thị

Thanh T được ly hôn với anh Trần C là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần C có 02 con chung tên: Trần Văn T1, sinh ngày 17/01/2010 và Trần Minh N, sinh ngày 24/10/2012.

Qua lời trình bày của chị Hồ Thị Thanh T và qua lời trình bày của cháu T1. Hiện nay hai con chung của anh C, chị T đều sống với chị T tại xã U, huyện O, còn anh C sống với ông bà nội, đồng thời cháu T1 có nguyện vọng được sống với mẹ. Chị Hồ Thị Thanh T có yêu cầu nhận trực tiếp hai nuôi con là cháu T1 và cháu N, còn anh C không có lời khai nên không xác định được ý kiến của anh C. Hiện nay chị Hồ Thị Thanh T có công việc làm và có thu nhập ổn định, vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu T1 và cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Thanh T, giao 02 con chung tên: Trần Văn T1, sinh ngày 17/01/2010 và Trần Minh N, sinh ngày 24/10/2012 cho chị Hồ Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con Trần Minh N hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12/2019. Xét nhu cầu thiết yếu cho việc sinh hoạt, học tập trong điều kiện hiện nay là rất cao. Chị T một mình nuôi hai con nên cần buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 107, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị Thanh T trình bày về tài sản chung và về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản giữa chị Hồ Thị Thanh T và anh Trần C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; anh C phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thanh T được ly hôn anh Trần C.

2. Về con chung:

Giao cho chị Hồ Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con 02 con chung tên: Trần Văn T1, sinh ngày 17/01/2010 và Trần Minh N, sinh ngày 24/10/2012.

Buộc anh Trần C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Minh N hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12/2019

Anh Trần C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hồ Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004449 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, chị Hồ Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Anh Trần C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã U H.O;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diệu